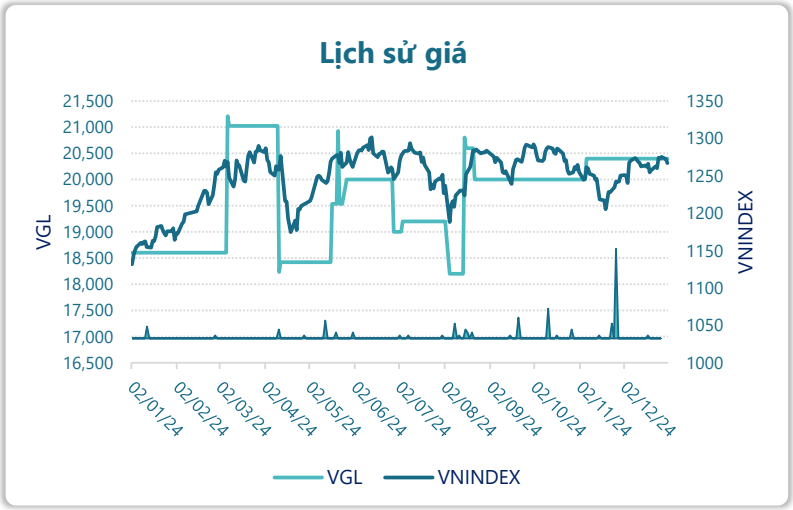
FireAnt

CTCP Mạ kẽm công nghiệp Vingal - VNSTEEL (UPCOM: VGL)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,209
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,200
SL cổ phiếu LH	9,325,155
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	190
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.4%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2024

358

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0| 6.6%

LN sau thuế

2024

18.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.80| 4.6%

ROE

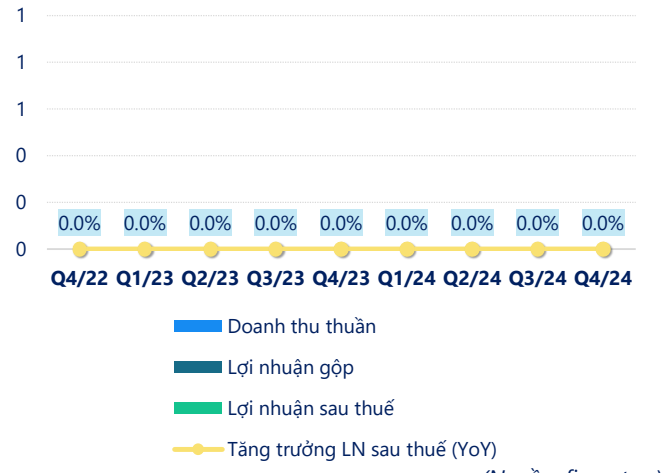
2024

15.4%

+/- YoY: ▲ 0.8%

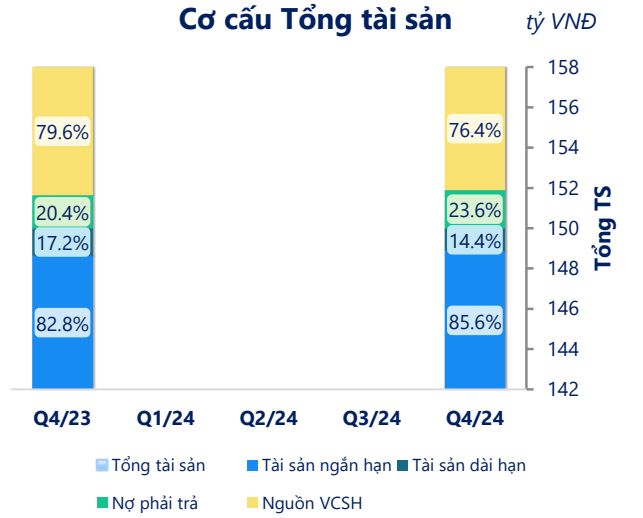
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



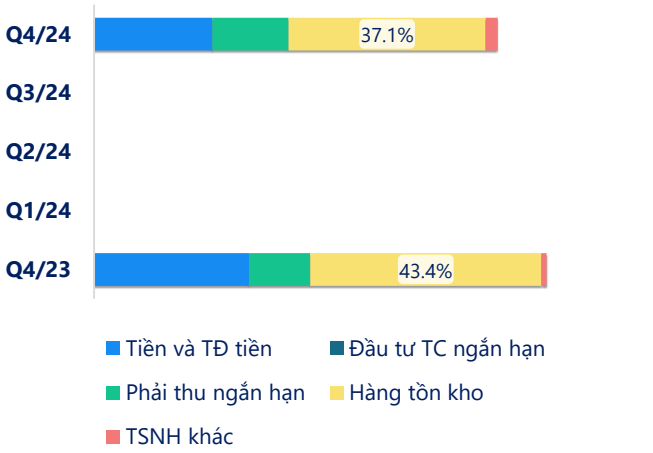
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



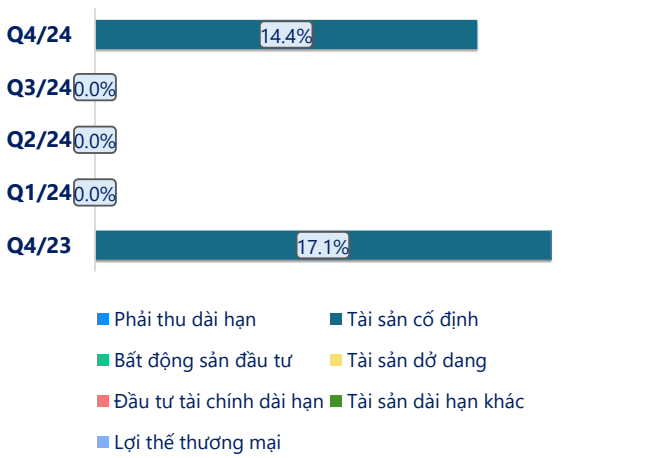
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



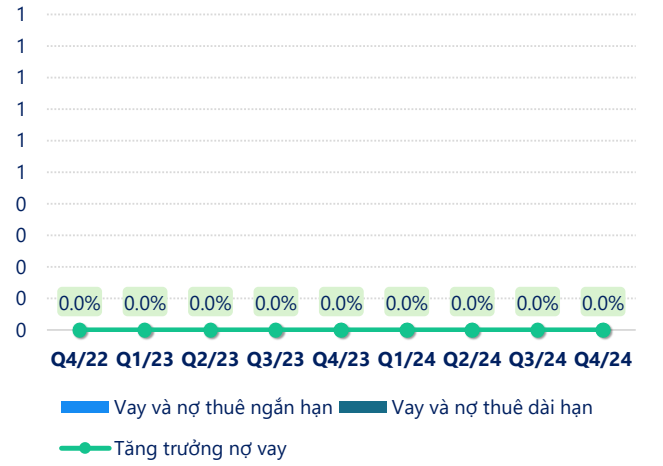
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



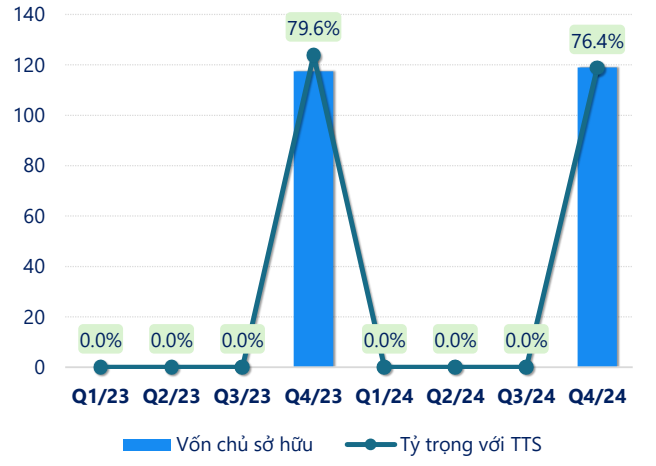
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



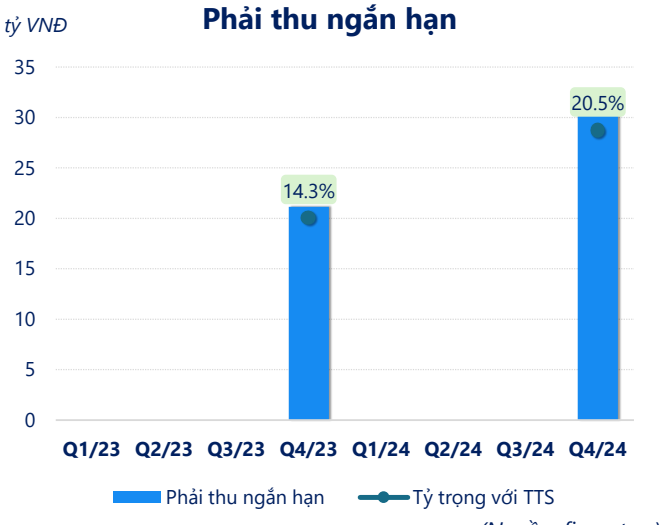
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



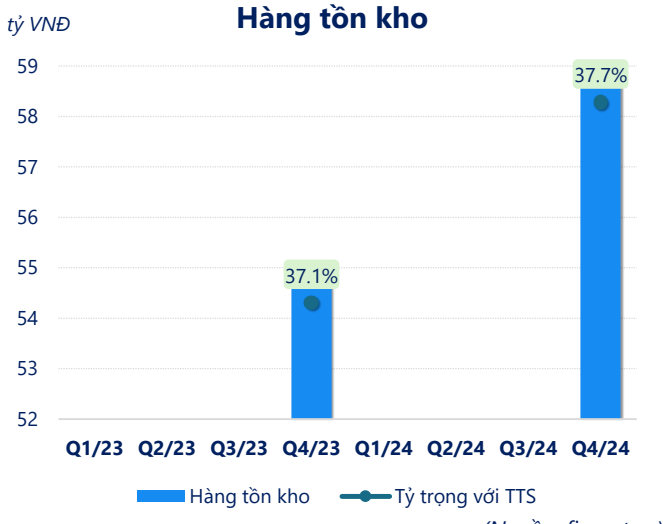
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



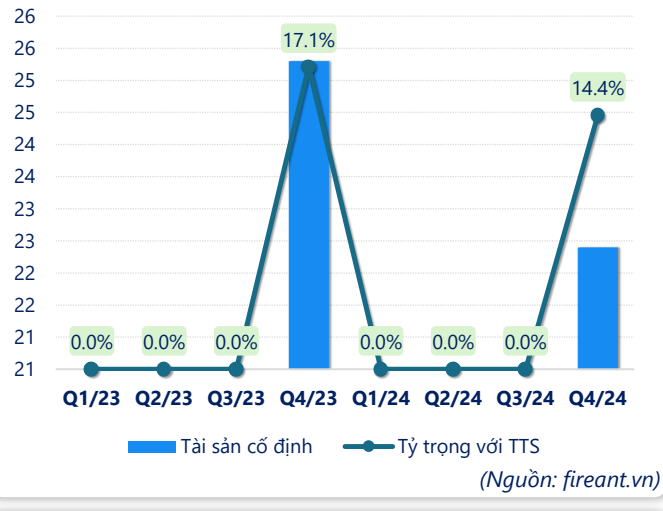
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



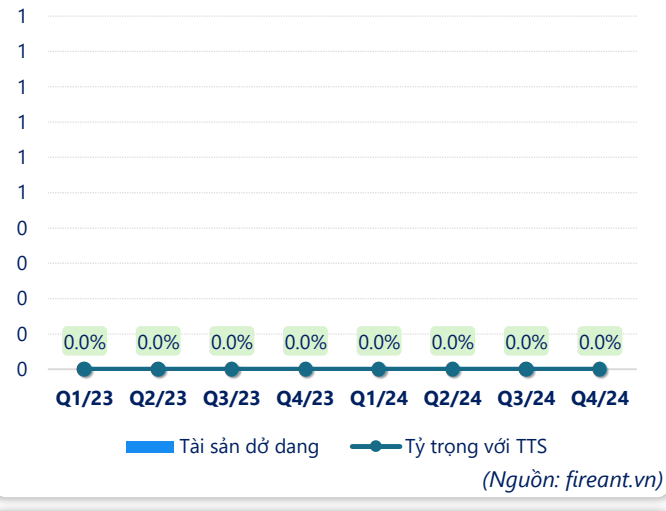
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



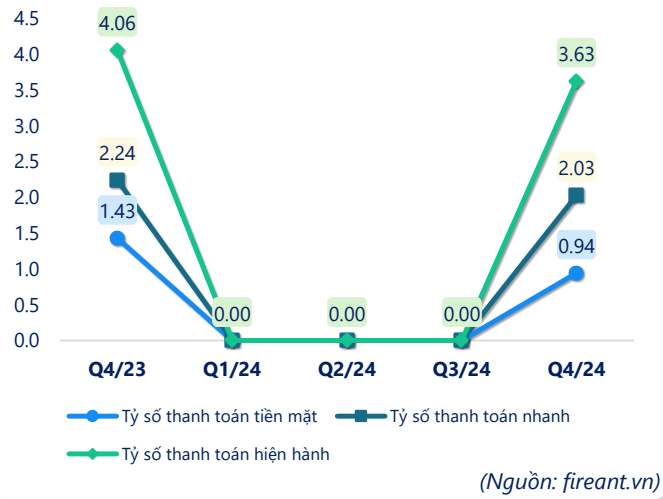
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



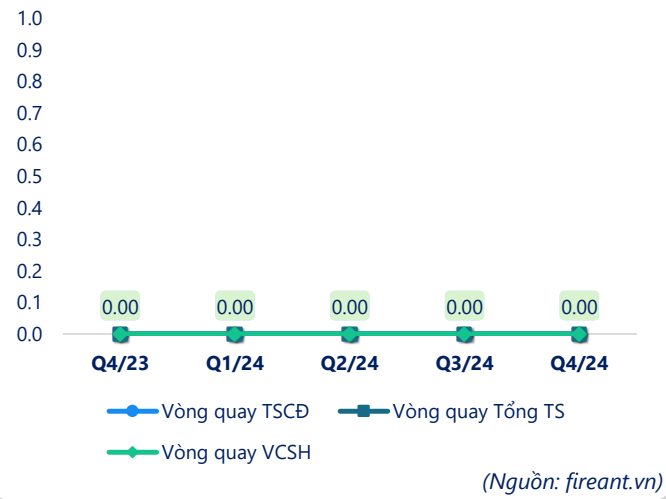
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**148**				**156**
Tài sản ngắn hạn	**122**				**133**
Tiền và tương đương tiền	43.0				34.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0				0
Phải thu ngắn hạn	21.1				32.0
Hàng tồn kho	54.7				58.7
Tài sản ngắn hạn khác	3.38				8.03
Tài sản dài hạn	**25.3**				**22.4**
Phải thu dài hạn	0				0
Tài sản cố định	25.3				22.4
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	0				0
Đầu tư tài chính dài hạn	0				0
Tài sản dài hạn khác	0.03				0
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	**30.1**				**36.8**
Nợ ngắn hạn	**30.1**				**36.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0				0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9				16.5
Nợ dài hạn	0				0
Vay và nợ thuê dài hạn	0				0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**117**				**119**
Vốn chủ sở hữu	**117**				**119**
Vốn điều lệ	93.3				93.3
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)